

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN QUYỂN III

Phẩm 8: BỐN PHÁP

Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp có thể nói kinh Đại Bát Nê Hoàn cho mọi người. Những gì là bốn pháp: Có thể tự mình dốc lòng làm điều chính đáng, có thể làm điều chính đáng cho người khác, có thể tùy theo câu hỏi mà trả lời, khéo hiểu rõ nhân duyên; đó là bốn pháp.

Tự mình dốc lòng làm điều chính đáng, nghĩa là khi người nghe giáo pháp thiết yếu của Phật, có thể theo đó mà chán bỏ hay sợ hãi, lông trên thân thể đều dựng đứng. Như lời Phật nói, thà rằng ôm thân cây khô cháy rục, khắp cả thân mình cháy trụi, chứ không đối với phương tiện mật giáo của Như Lai mà tâm mình chưa tỏ ngộ. Nghe nói có thường bèn nổi lên tâm phỉ báng rồi nói lời dạy của ma và ca tụng ngôn luận của ngoại đạo thuận theo thế tục. Người nói vô thường mà bảo là chân thật, thà rằng lấy lưỡi để liếm cây khô cháy rục, chứ không nói Như Lai chân thật vô thường, hoặc giả nghe người khác nói liền kinh sợ, đối với người nói pháp mà khởi lên ý nghĩ từ bi, hết sức tin tưởng pháp thân Như Lai tồn tại lâu dài, pháp già, bệnh, chết không thể nào hủy hoại. Nên biết rằng Thế Tôn không thể nghĩ bàn, giáo pháp cũng vậy. Như kinh Cây khô mà ta đã nói, ông hãy tự nắm giữ cho khéo, đó là Bồ-tát có thể tự mình dốc lòng làm điều chính đáng.

Có thể làm điều chính đáng cho người khác, nghĩa là như Thế Tôn thuyết pháp, có một phụ nữ nuôi đứa trẻ sơ sinh còn bú đi đến chỗ Đức Phật, rập đầu làm lễ dưới chân Phật lòng có điều băn khoăn lo lắng, cô ta đứng về một bên mà suy nghĩ. Bấy giờ Thế Tôn biết được điều suy nghĩ của người ấy, liền đem đứa con của cô ta làm thí dụ mà

nói pháp:

–Ví như người mẹ khéo nuôi đứa con của mình, thoát đầu lấy móng tay mà ngâm bơ đặc khiến cho bơ ấy tan ra, xong lại càng tăng thêm dần.

Khi ấy, tâm của người phụ nữ kia liền hiểu ra, bèn bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đấng Đại Thánh biết tâm niệm của con mà nói lên lời như thế, sáng sớm hôm nay, con cho đứa bé ăn nhiều bơ có lẽ không bớt tuổi thọ.

Phật dạy:

–Chẳng phải vậy, đứa trẻ này đã lớn, nó có thể ăn được mà không có hại gì.

Người phụ nữ vui mừng rồi bạch Phật:

–Kỳ lạ thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thuận theo pháp tan ra và không tiêu mà nói một cách tài tình; trước tiên Thế Tôn nói pháp vô thường, khổ, không, bất tịnh cho người mới thọ nhận sự giáo hóa; nếu lòng tin của chúng sinh đó chưa vững chắc, thì Thế Tôn nói pháp thường trụ cho họ, gốc rễ niềm tin kia bị mất, Thế Tôn nói bơ thường không tan ra.

Phật dạy:

–Quý hóa thay! Này thiện nữ! Con nên học như thế, cách thức nuôi con buổi đầu cho nó ăn dần thức ăn dễ tiêu và mềm mại, khi tuổi khôn lớn, nếu cho nó ăn đồ cứng và đặc thì có khả năng tiêu hóa và không có mối lo bệnh hoạn. Ta cũng như thế, trước kia Ta nói món ăn bất tịnh, vô thường, khổ, không và mềm mại cho các đệ tử; khi tâm đạo đã tăng thêm họ có thể lãnh thọ Đại thừa, sau đó Ta mới nói pháp Ma-ha-diễn Đại Bát-nê-hoàn này cho họ. Món ăn cứng và đặc gồm sáu vị: ngọt, đắng, cay, chua, mặn và nhạt. Lấy khổ làm vị chua, vô thường làm vị mặn, phi ngã làm vị đắng, vui thích làm vị ngọt, ngã và ngã sở làm vị nhạt, pháp thường làm vị cay, lấy lửa huyễn hành đốt cháy củi phiền não, nấu chín món ăn cam lộ đúng theo phép tắc chế định là Đại Bát-nê-hoàn.

Lại nữa, này thiện nữ! Ví như người chị em gái có các duyên sự phải bỏ nhà đi ra ngoài, đến xóm làng khác, có lẽ đi lâu không trở về. Người ấy có hai người con, một người hiền lành chất phác, người thứ

hai ác độc tề hại. Lúc sắp sửa lên đường, người ấy chẳng nói với đứa con xấu ác về kho tàng bí mật cất giấu châu báu, mà giao phó cho đứa con hiền lành.

Người nữ bạch Phật:

–Thật vậy! Bạch Thế Tôn!

Phật hỏi:

–Cớ sao người kia không giao phó kho báu cho đứa con ác? Người nữ bạch Phật:

–Đứa con xấu ác kia vốn làm điều trái với đạo nghĩa, làm theo hành động buông thả, tiêu dùng ăn uống không có điều độ, cho nên người mẹ không phó thác kho báu. Còn đứa con hiền lành ấy có năng lực xây dựng dòng dõi, làm vẻ vang rạng rỡ họ hàng, vì thế người mẹ gửi gắm kho báu cho đứa con ấy.

Phật dạy:

–Đúng vậy! Pháp của Ta cũng thế, khi muốn đi vào phương tiện bát Nê-hoàn, giáo pháp thiết yếu bí mật chứa trong kho châu báu của Như Lai đều giao phó cho đệ tử, không trao cho kẻ phạm giới và các người là kiến. Nay đối với Ta, người dấy lên ý tưởng diệt hay là dấy lên ý tưởng thường?

Người nữ bạch Phật:

–Đối với Như Lai, con dấy lên ý tưởng thường trụ.

Phật dạy:

–Này thiện nữ! Như lời người nói, cần phải dấy lên quán tưởng ấy, đừng dấy lên ý tưởng diệt. Nên biết Như Lai là pháp thường trụ, không phải là pháp biến đổi, cũng chẳng phải pháp phai mờ tiêu diệt. Nếu như có chúng sinh vốn tu tập quán tưởng thường trụ đối với Như Lai, nên biết những hạng người này, nhà nào nhà nấy đều có Phật, đó gọi là có thể làm điều chính đáng cho người khác.

Có thể tùy theo câu hỏi để mà trả lời, nghĩa là giống như có người đến hỏi Như Lai: “Con phải làm thế nào để được nổi tiếng là người làm việc bố thí lớn lao, tiếng tăm truyền khắp thiên hạ mà chẳng bỏ của cải ra để bố thí?”.

Phật bảo người kia: “Chỉ có người tu tại gia mặc áo trắng thanh tịnh không nuôi đầy tớ nhỏ, tu trì phạm hạnh, thế nhưng họ lại ưa thích

bố thí đưa ở, nô bộc, vợ cả, nàng hầu; họ dứt bỏ mùi vị thịt, thế nhưng họ lại ưa thích đem thịt để bố thí; họ lánh xa rượu, không uống rượu, thế nhưng họ lại lấy rượu khuyên nhủ người khác uống; họ thường tập thói quen ăn đúng thời, song lại bố thí bữa ăn phi thời cho người khác; họ xa lìa các thứ hương hoa, đồ trang sức, dụng cụ, song lại đem hết thảy hương hoa, đồ dùng trang nghiêm mà bố thí cho mọi người. Những loại như thế, tùy theo sự việc bố thí, người kia biểu cho mọi người xong, gọi là đại thí chủ. Nếu người làm như thế, liền được sự bố thí lớn lao, nổi tiếng khắp thiên hạ, song chưa từng tổn hại hoặc hao phí một sợi lông của mình. Nói ví dụ như thế, có thể tùy theo câu hỏi để mà trả lời”.

Bấy giờ, Ca-diếp bạch Phật:

–Như lời Thế Tôn nói, người không ăn thịt mà lại đem thịt để bố thí, được điều là người ăn thịt ấy không có lỗi lớn, chẳng lẽ không tăng thêm tà kiến của ngoại đạo, cho nên cần phải lập phép không ăn thịt?

Phật bảo Ca-diếp:

–Quý hóa thay! Quý hóa thay! Này thiện nam! Ông khéo quan sát ý của Phật! Phép tắc của Bồ-tát hộ pháp phải nên như thế. Này thiện nam! Kể từ hôm nay, Ta ngăn cấm các đệ tử, không để cho họ ăn thịt, giả dụ được món ăn khác, phải luôn luôn dấy lên ý tưởng ăn thịt con mình. Sao gọi là đệ tử mà để cho họ ăn thịt? Chư Phật nói rằng, người ăn thịt ấy đã dứt bỏ hạt giống đại từ.

Ca-diếp bạch Phật:

–Tại sao Thế Tôn để cho đệ tử ăn ba món thịt thanh tịnh?

Phật bảo Ca-diếp:

–Ba món thịt này tùy theo việc mà hạn chế dần dần, cho nên Ta mới nói như thế.

Ca-diếp lại hỏi:

–Nguyên nhân nào Phật nói có món ăn được nhận lãnh để lìa bỏ mười món thịt?

Phật bảo Ca-diếp:

–Đây cũng là hạn chế dần dần, nên biết phép tắc hiện giờ là không nên ăn thịt.

Ca-diếp lại bạch Phật:

–Tại sao Thế Tôn khen ngợi thịt cá rồi cho là món ăn ngon?

Phật bảoCa-diếp:

–Ta không nói thịt cá và cho đó là món ăn ngon, Ta nói cây mía ngọt, gạo tẻ, đường phèn và những trái cây ngọt là món ăn ngon. Như Ta khen ngợi mọi thứ y phục là đồ trang sức, lại còn khen ngợi ba thứ y phục hoại sắc, nên biết thịt cá là món ăn tanh uesthuan theo sự ham muốn mà thôi.

Ca-diếp bạchPhật:

–Nếu như Thế Tôn ngăn cấm đệ tử không ăn thịt, thì năm thứ kia là sữa, dầu vừng, tơ tằm, lụa là, vỏ sò, ngọc kha quý giá và thuộc da họ cũng không nên thọ nhận.

Phật dạy:

–Ông nghĩ ngợi kỳ lạ, đừng dấy lên cái nhìn của ngoại đạo Ni-kiền-tử.

Ca-diếp bạchPhật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con nên làm thế nào? Phật bảoCa-diếp:

–Này thiện nam! Kể từ hôm nay Ta ngăn cấm các đệ tử, không để cho họ ăn ba món thịt thanh tịnh và lìa bỏ chín thứ lãnh thọ, mười món thịt, cho đến con vật tự chết, hết thấy đều không được ăn. Vì sao? Vì nếu như người ăn thịt, giả như họ đi, đứng, ngồi, nằm, tất cả chúng sinh trông thấy họ thấy đều sợ hãi, bởi ngửi mùi vị giết chóc của người ấy. Như người ăn món hưng cừ và tỏi, nếu họ đi vào chỗ hội họp đông đảo, thì mọi người thấy đều cảm ghét. Người ăn thịt ấy cũng như thế, tất cả chúng sinh ngửi mùi giết chóc của người ấy thì có nỗi khùng khiếp và sợ chết, các loài có mạng sống ở dưới nước, trên cạn, bay giữa hư không, đi trên mặt đất trông thấy đều bỏ chạy nhanh. Do đó hàng Bồ-tát chưa từng ăn thịt, tùy thời các vị ấy hiện bày sự ăn thịt nhằm để giáo hóa chúng sinh, chứ kỳ thật không ăn.

Lại nữa, này thiện nam! Vào thuở kiếp lâu xa, sau khi Ta nhập Nê-hoàn, sẽ có hàng Tỳ-kheo tuy vì sự học đạo nhưng tự mình cao ngạo mà nói rằng, ta là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Họ trôi giạt ở trong cõi đời xấu ác, nghèo nàn khốn khổ, rồi xuất gia làm Tỳ-kheo mà chỉ có cái danh chứ không có cái thực, hiểu đủ mọi

thứ một cách xằng bậy. Vì lợi dưỡng nên họ cung kính người thế tục mặc áo trắng, hình dáng tiêu tụy hốc hác như kẻ chăn thả súc vật, thân thể đắp ca-sa song trông in hệt gã thợ săn, họ mong cầu lợi lộc thế tục dường như con mèo vồ chuột. Thân thể bất tịnh, bệnh hoạn ốm o gầy còm, cùi hủi, ghẻ lở, thế mà họ mặc quần áo và đắp chăn màn của bậc Hiền Thánh Mâu Ni, hình dáng giống như quý đối, nghèo túng cùng quẫn, chẳng phải là Sa-môn chân thật mà làm y như Sa-môn. Vào đời sau này, lúc thời kỳ chánh pháp hủy hoại, đối với pháp luật, hành xử, kinh điển, chính luận mà Ta chế ra, họ đều làm trái ngược điều Ta đã quy định, mỗi người tự tạo ra kinh luận và giới luật rồi nói rằng, giới luật của ta được ăn món thịt thanh tịnh là của Đức Phật nói; họ tự viết lời luận bàn và bài tụng, mỗi bài đều trái ngược nhau; họ đều xưng mình là hạng Sa-môn, đệ tử của đức Thích-ca.

Lại nữa, này thiện nam! Ta nói pháp nhận lãnh lúa gạo sống, cho đến ăn cá thịt, tự tay mình làm đồ ăn thì không phải thanh tịnh. Tập quen nghề nghiệp ép dầu, học các môn kỹ thuật, thợ mộc tinh xảo, bậc thầy của ngành thuộc da. Tới lui với vua trong nước, xem lịch tinh tú, tạo ra phương thuốc chữa bệnh, học bàn luận về âm thanh và lời văn khéo léo trong thế tục. Nuôi đầy tớ, nô bộc, gom góp tiền của, vàng bạc, san hô, vỏ sò, ngọc kha, đá ngọc, chân châu, vật báu; nuôi sư tử, cọp, beo, chồn, sóc, chuột, mèo, cáo. Tích trữ thuốc độc, trì chú thuật, làm họa sĩ, tạo ra sách vở giấy tờ, làm nghề dệt the lụa tốt đẹp, khởi lên đạo đầu độc làm mê hoặc người, ca múa huyễn hoặc, độ sức, nhuộm răng, xông hương thơm xoa vào thân thể, lấy hoa kết thành chuỗi để trang sức, sửa hình dáng thân thể, cho đến đủ thứ còn lại, đại loại có vẻ như phi pháp, đồ dùng và y phục phi pháp, Ta nói những sự việc này chẳng phải là pháp thanh tịnh.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có đất nước phần đông mọi người đều ăn thịt, tất cả người xin ăn đều xin được toàn là món thịt tạp nhạp, làm thế nào các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ở trong nước thích ứng với đời sống thanh tịnh?

Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Nếu đồ ăn có thịt lẫn lộn, nên cho vào trong

nước để thức ăn và thịt tách ra, rồi sau đó mới có thể ăn, thì không mắc lỗi vượt qua giới luật.

Ca-diếp lại bạch Phật:

–Nếu đồ ăn và thịt không thể tách rời nhau, việc này phải làm thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Nếu trong nước mọi người thường ăn thịt, hết thấy đồ ăn đều có thịt bày rõ, thì Ta thuận cho gạn thịt, bỏ nước, hủy hoại mùi vị gốc của nó, rồi mới có thể ăn. Nếu như cá, thịt nai v.v..., tự phân biệt thì có thể biết, người ăn đắc tội. Hôm nay Ta nói có nhân duyên chế ra giới không ăn thịt, không có nhân duyên thì nhân dịp nói Đại Bát-nê-hoàn, Ta cũng lại đặt ra giới cấm khiến mọi người không nên ăn thịt, đó gọi là có thể tùy theo câu hỏi để mà trả lời.

Khéo hiểu rõ nhân duyên là, nếu Tỳ-kheo hay Ưu-bà-tắc hỏi ý nghĩa như thế này: Tại sao khi Đức Thế Tôn Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, thoát đầu không quy định từng điều giới cấm cho đệ tử, không nói từng mỗi pháp môn như thế, không nói Ba-la-đề-mộc-xoa (biệt giải thoát, xứ xứ giải thoát) một cách rõ ràng? Ý nghĩa ấy thế nào? Tỳ-ni có ý nghĩa gì? Này thiện nam! Hãy nghe Ta phân biệt ý nghĩa Ba-la-đề-mộc-xoa. Ba-la-đề-mộc-xoa là ít muốn, biết đủ, thành tựu uy nghi, chẳng thu nhận và cất chứa nhiều của cải, lìa bỏ các sự bám víu. Đối với tất cả những người lấy tâm thanh tịnh làm đời sống mà phạm tội đọa, ấy là đọa vào bốn nẻo ác và địa ngục thiêu đốt. Người kia uy nghi, ít muốn, chẳng thu nhận và cất giữ nhiều của cải, tất cả đời sống thanh tịnh mà phạm tội đọa, theo đó nói rằng không phải là tội đọa, ấy là đọa vào trong địa ngục A-tỳ, đó gọi là đọa. Bồ-tát là nuôi lớn thiện căn công đức, về ý nghĩa có hai thứ: Ba-

la-đề-mộc-xoa là lìa xa đối với học thuyết xằng bậy. Tỳ-ni là dạy dỗ và răn bảo những điều nhỏ nhặt, điều phục uy nghi. Lại còn không thu nhận của cải phi pháp, cũng chẳng bố thí của cải ấy cho người khác, đó gọi là Tỳ-ni. Trong đó có người phạm bốn pháp nặng, có người phạm mười ba pháp hữu dư, có người phạm ba mươi pháp xả đọa, có người phạm chín mươi một pháp đọa, có người phạm bốn

SỐ 376 – KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN,

pháp hối quá, có người phạm pháp chúng học, có người phạm hai pháp bất định, có

người phạm bảy cách thức diệt bỏ tranh cãi, có người gièm pha báng bổ giáo pháp kinh điển và hạng Nhất-xiển-đề. Người có những tội như thế song chẳng hưởng về bậc sáng suốt để nói rõ tội đã phạm phải, cũng chẳng xin sám hối lỗi lầm. Xưa nay họ vẫn che giấu tội lỗi giống như con rùa giấu kín sáu chi (bốn chân, đầu và đuôi), tội lỗi của người phạm giới ngày đêm càng thêm lớn.

Tại sao Thế Tôn biết có tội ấy mà không kết thành giới luật, khiến cho chúng sinh kia rơi vào trong đường ác?

Giống như có người đem theo nhiều người muốn đến địa phương khác, bảo cho họ biết con đường thiết yếu đó. Trong số đông ấy có người lạc hướng con đường chính, rơi vào chỗ không phải con đường đi. Người thông tuệ khôn khéo kia đuổi theo kêu gọi, khiến cho người đó trở lại con đường chính cũ. Giáo pháp của Như Lai cũng như thế, ban đầu Ta nói đạo lý ngay thẳng, nếu các Tỳ-kheo phần nhiều gây ra các lỗi lầm, sau đó Ta mới nói quả báo của việc phạm tội cho họ, và chế ra giới luật cho các vị ấy. Như vậy, Thế Tôn chỉ rõ cho họ biết con đường vốn dĩ chân thật không hư vọng, nói công đức của mười điều thiện cho chúng sinh. Vị trời cao quý nhất trong các cõi trời, đức vua của chánh pháp thương xót khắp cả chúng sinh mà nói công đức của mười điều thiện, bình đẳng quán xét chúng sinh như nhìn đứa con một. Nếu như có một chúng sinh đang còn ở trong địa ngục, vì việc cứu độ người ấy tránh khỏi địa ngục, nên Ta ở trong địa ngục sống lâu một kiếp hoặc giả hơn một kiếp.

Sao gọi là khiến cho Tỳ-kheo phạm giới kia rơi vào đường ác mãi? Ví như người thợ dệt dệt, hoàn thành chiếc áo mới, sau đó người ấy phá hỏng chiếc áo xong, rồi lại vá vớ sửa chữa. Ví như thoát đầu Chuyển luân Thánh vương đem mười điều thiện để giáo hóa dân chúng, thời gian sau này việc làm xấu ác của chúng sinh tăng thêm, vua lại nhờ Tự tại kim luân thần bảo đi đến đặt ra pháp luật, khiến cho các chúng sinh ấy phải điều phục. Thế Tôn cũng như vậy, thoát đầu chưa kết thành giới Ba-la-đề-mộc-xoa, về sau các Tỳ-kheo phạm tội chuyển tăng thêm, sau đó Ta mới lấy nhân duyên phạm giới làm căn bản mà đặt ra giới luật cho họ. Giả như các chúng sinh ưa thích tu pháp (phép gia trì cầu đảo của Phật giáo), thấy nhân duyên của các chúng

sinh phát khởi để chứng thực lòng tin lớn thêm lên, cho đến bình đẳng quán xét nghĩa lý rất mực sâu xa vi diệu của Bốn đế, như sự tự tại của chư Phật cũng như vậy, đó chính là giáo pháp của vô lượng chư Phật. Chư Phật không thể nghĩ bàn như thế, giáo pháp chư Phật nói không thể nghĩ bàn, người nghe pháp này không thể nghĩ bàn, năng lực tin tưởng kinh này cũng không thể nghĩ bàn, đó gọi là khéo hiểu rõ nhân duyên.

Đó là bốn pháp của Đại Bồ-tát thành tựu, có thể giảng nói kinh Bát-nê-hoàn, nói nhân duyên thị hiện và nhân duyên Đại Bát-nê-hoàn cho mọi người. Nên biết kinh Đại Bát Nê Hoàn này chính là khéo hiểu rõ nhân duyên.

Tự mình dốc lòng làm điều chính đáng, nghĩa là giảng nói xong xuôi, người ấy chân thành hướng về chính mình, chuyên chú hướng về kinh Đại Bát Nê Hoàn này, nên biết đó gọi là có thể tự dốc lòng làm điều đúng đắn.

Có thể làm điều chính đáng cho người khác, nghĩa là biết ý của các Tỳ-kheo thành tâm hướng theo mà giảng nói kinh Đại Bát Nê Hoàn này cho họ, nói rằng Như Lai tồn tại lâu dài, nên biết đây là có thể làm điều chính đáng cho người khác.

Có thể tùy theo câu hỏi mà trả lời, nghĩa là giống như Ta nói cho Ca-diếp, tức là ông có trí sắc sảo lanh lợi vi diệu của Đại Bồ-tát, đủ thắm sát giáo với phương tiện bí yếu, không phải điều mà các hàng Thanh văn và Duyên giác lưỡng tính nổi, gọi là kinh Đại Bát Nê Hoàn. Nên biết tên gọi ấy có thể tùy theo câu hỏi mà trả lời, tùy theo điều mà ý nghĩ trong lòng của chúng sinh kia thích ứng để rồi nói pháp cho họ, không phải là hư vọng. Ví như có người nói nhiều tên gọi của hư không, gọi là không, gọi là hư, gọi là vô sở hữu, gọi là vô số, người ấy nói những tên gọi như thế đều không phải là hư vọng. Như Lai thuyết pháp cũng như vậy, Ta nói bốn loại Niết-bàn trong kinh Đại Bát Nê Hoàn, toàn bộ có điều thích ứng chứ chẳng phải là hư vọng.

Ca-diếp bạch Phật:

–Nếu đúng là Như Lai tồn tại lâu dài, thì trái ngược với lời Phật nói trong kệ kinh.

Ví như nung viên sắt

*Ném nó vào nước
lạnh Sức nóng tiêu diệt
dần Chẳng biết nóng về
đâu. Sự giải thoát như
thế Qua các vực sống
chết Yên vui mãi chẳng
động Không ai biết chỗ
ấy.*

Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ông đừng hiểu bài kệ này một cách xằng bậy, khởi lên ý tưởng tiêu diệt vĩnh viễn đối với Như Lai. Không phải viên sắt ném vào nước, sức nóng diệt mất dần dần, sự tiêu diệt vĩnh viễn của chư Phật Như Lai nhập Nê-hoàn cũng như vậy, giống như viên sắt ném vào nước, sức nóng tiêu diệt, Như Lai cũng vậy, vô lượng phiền não, họa hoạn trói buộc đều tiêu diệt. Giống như viên sắt ném vào nước, sức nóng tuy diệt mất, song tính chất của sắt vẫn còn. Cũng như vậy, ngọn lửa phiền não hừng hực trong vô lượng kiếp số của Như Lai đều tiêu diệt toàn bộ, tính chất kim cương của Như Lai thường còn, không phải là pháp biến đổi, không phải là pháp phai diệt. Những sự việc vượt qua các vực sâu sống chết và giải thoát như thế, vô lượng kiếp sống chết trong dòng sông phiền não kia, Như Lai đã vượt qua để vào Nê-hoàn, chỗ tiêu diệt mãi mãi trong các nẻo đường không thể nào biết được, cho nên nói:

*Sự giải thoát như
thế Qua các vực sống
chết Yên vui mãi chẳng
động Không ai biết chỗ
ấy.*

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giống như viên sắt ném vào nước, sức nóng tiêu tan hết, song vẫn còn có thể sử dụng mà ném lại vào lửa. Như Lai vào Nê-hoàn, nhưng thực ra là vẫn thường trụ, thế thì tại sao lại vì chúng sinh mà vào ở trong ngọn lửa bùng bùng vô lượng sinh tử để dứt bỏ tai họa trói buộc cho hết thấy chúng sinh. Quý hóa thay! Bạch Thế Tôn! Như Lai tồn tại lâu dài là lời nói quyết định.

Phật bảo Ca-diếp:

–Đúng thế, đúng thế! Này thiện nam! Ví như Chuyển luân Thánh vương đi vào trong cung điện phía sau để vui chơi với những cung nữ hầu hạ, chốc lát vua lại dạo chơi ở nhà vườn, ao tắm, vui thích tự tại. Nhà vua vắng mặt trong cung, không ai hô hoán rằng vua mất vĩnh viễn. Chư Phật Thế Tôn bỏ cõi Diêm-phù-đề hiện bày sự vô thường cũng như vậy, đừng hô hoán rằng chư Phật diệt độ mãi mãi. Giống như vị quốc vương kia bỏ nơi thâm cung đi dạo chơi khu cây cảnh, vui thích tự tại. Như Lai cũng vậy, Ta bỏ chốn thâm cung vô lượng phiến não, đi vào vườn Tổng trì, ao hoa bảy giác chi, dạo chơi tham quan thích thú, đáp cỗ xe trí thông đạt về pháp phương tiện, tự tại hiện thân giáo hóa, vô lượng họa hoạn trói buộc đã tiêu diệt từ lâu.

Ca-diếp bạch Phật:

–Như lời Thế Tôn nói, Như Lai thấy đều tiêu diệt mối lo phiến não sinh tử trong vô lượng vô số kiếp, đã vượt qua biển năm dục, cơ sao khi Như Lai làm Bồ-tát, tự vui thú với những người con gái đẹp hầu hạ ở chốn thâm cung, làm cha của La-hầu-la? Vì thế nên biết, Như Lai không dứt hết họa hoạn trói buộc và vượt qua biển các thứ ham muốn.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đừng đối với Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác mà nói lên lời như thế. Sở dĩ gọi là Đại Bát-nê-hoàn, là vì có thể kiến lập nghĩa lớn. Nay ông hãy lắng nghe và giảng nói rộng rãi cho mọi người, chớ nảy sinh nghi ngờ và lấy làm kỳ lạ.

Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn, nghĩa là có thể đem ngọn núi lớn Tu-di đặt vào một vỏ trấu. Các chúng sinh ấy nương dựa núi Tu-di mà ở không bị quấy nhiễu tai hại, họ đến, đi, ngừng lại mà chẳng biết ai làm; số chúng sinh còn lại có kẻ thấy biết, họ biết ấy là Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn, an trí núi Tu-di ở trong vỏ trấu, rồi sau mới trở về lại, cảnh giới của Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn là như thế.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn lấy đất đai khắp ba ngàn đại thiên thế giới này đặt vào trong vỏ trấu, chúng sinh ở trong đó không bị điều gì quấy rối hay làm hại, mỗi người chẳng tự biết ai mang mình đi lại, ai an trí mình ở đây. Các chúng sinh còn lại có người thấy biết, họ biết ấy là Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-

SỐ 376 – KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN,

hoàn, lấy ba ngàn đại thiên thế giới này đặt vào trong vỏ trấu, rồi sau mới trở về lại.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn này lại lấy ba ngàn đại thiên thế giới xếp đặt vào trong một lỗ chân lông của bản thân mình mà không có sự phiền nhiễu tác hại đối với những chúng sinh kia, mỗi người không tự biết ai mang mình đi lại và vị nào sắp xếp mình ở nơi này. Ngoài ra có một số chúng sinh thấy biết sự việc, họ biết đó là Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn, lấy ba ngàn đại thiên thế giới này đặt vào bên trong lỗ chân lông của bản thân mình, rồi sau mới trở về lại.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn đang ở thế giới này, có thể đưa cõi nước của chư Phật khắp cả mười phương đặt vào mũi nhọn chiếc kim, giống như lấy mũi kim nhấc giữ lá táo lên, rồi di chuyển đến cõi nước của Đức Phật khác ở nơi xa lạ, đối với các chúng sinh, họ không bị phiền nhiễu hay tác hại gì cả. Mỗi người chẳng tự biết ai mang mình đi lại và ai an trí mình ở nơi này. Ngoài ra có một số chúng sinh thấy biết sự việc, họ biết đó là việc làm do thần lực của Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn nắm cõi nước khắp mười phương đặt vào lòng bàn tay phải của mình như bánh xe dùng để tiện của nhà làm đồ gốm, ném đến thế giới nhiều như bụi nhỏ ở phương khác, đối với các chúng sinh họ không bị quấy nhiễu hay tác hại gì cả. Mỗi người chẳng tự biết ai đem mình đi lại và ai an trí mình ở đây. Ngoài ra còn một số chúng sinh có thấy biết sự việc, họ biết đó là việc làm bởi sức thần thông của Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn ấy lấy mười phương thế giới ở bên trong một hạt bụi, đối với các chúng sinh, họ không bị quấy rối hay tác hại gì cả. Mỗi người chẳng tự biết ai đem mình đi lại và ai an trí mình ở đây. Ngoài ra, các chúng sinh còn lại có người thấy biết, họ biết đó là thần lực của Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn làm nên điều ấy. Như thế, này thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn này có thần lực lớn, thị hiện đủ mọi thứ, cho nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn. Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn làm những điều gì ở đó, tất cả chúng sinh không thể nào đo lường nổi, nay ông làm sao có thể biết Như Lai quen theo năm thứ dục và làm cha của La-hầu-la?

Lại nữa, này thiện nam! Ta trụ Đại Bát-nê-hoàn này có năng lực làm việc lớn. Đối với trăm ức mặt trời, mặt trăng, trăm ức cõi Diêm-phù-đề thuộc ba ngàn đại thiên thế giới này, Ta thị hiện đủ mọi cách để giáo hóa, như điều đã nói trong Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Ở cõi Diêm-phù-đề thuộc ba ngàn đại thiên thế giới, Ta lấy Đại Bát-nê-hoàn để thị hiện Nê-hoàn mà không có Bát-nê-hoàn rất ráo.

Lại nữa, này thiện nam! Ta thị hiện chịu sự sinh ra từ bào thai ở trong cõi Diêm-phù-đề với năm thứ dục, các bậc cha mẹ ấy gọi Ta là con, thế nhưng từ thuở quá khứ vô số kiếp đến nay, Ta đã vĩnh viễn hết sạch ái dục, không có thân nhiễm ô, không có thân uế thực, pháp thân thanh tịnh đã dứt bỏ mọi sự sinh ra. Ta đem trí thông đạt về pháp phương tiện để thuận theo thế gian, Ta sinh ra ở cõi Diêm-phù-đề, thị hiện làm con trẻ, rồi đi về phương Bắc bảy bước chân mà tự xưng: Ta là đấng tôn quý vô thượng đối với hàng trời, người và A-tu-la.

Cha mẹ Ta vui mừng cùng khen ngợi: Chúng ta sinh hạ con trẻ, vừa rơi xuống đất bèn đi bảy bước, là sự việc chưa từng có trong đời.

Khi ấy, các chúng sinh đều nói rằng đó là chuyện đặc biệt lạ lùng, thế nhưng Ta chưa hề làm trẻ con. Từ vô số kiếp đến giờ, Ta lìa bỏ hạnh anh nhi, là pháp thân thanh tịnh, không phải là thân xương thịt được nuôi lớn bằng thức ăn uế tạp. Ta thị hiện pháp thân mà làm đồng tử là thuận theo thế gian. Ta đi bảy bước về hướng Nam để thị hiện làm tất cả ruộng phước không có gì hơn. Ta đi bảy bước chân về hướng Tây để thị hiện dứt bỏ rốt ráo sự sinh, già, bệnh, chết; làm bờ ranh sau cùng đối với tất cả chúng sinh. Ta đi bảy bước chân về hướng Đông để thị hiện làm người dẫn đường cho hết thảy chúng sinh. Ta hướng về bốn phương góc rồi đi bảy bước chân là để thị hiện dứt bỏ mọi tà vạy phiền não và việc làm của ma, Thiên tử ở cõi trời Tự Tại thấy đều hàng phục, Ta sẽ thành đạo Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác. Ta nhẹ nhàng đi bảy bước lên khoảng không ở phương Trên là để thị hiện giống như hư không, không thể nào bám víu hay dính mắc ở đó. Ta lại hướng về phương Dưới rồi đi bảy bước, là để thị hiện dập tắt ngọn lửa bùng cháy trong tất cả địa ngục, nổi lên đám mây pháp lớn rồi tuôn xuống trận mưa pháp lớn đem an vui cho chúng sinh; cơn mưa đá giáo pháp lớn phá tan các giới cấm ác.

Ta sinh ra ở cõi Diêm-phù-đề, thị hiện chừa lại chỏm tóc trên đỉnh đầu, là muốn khiến cho chúng sinh biết tóc đỉnh đầu cùng sinh khởi một lúc với thân đồng tử này, chư Thiên và người đời không ai có thể cầm dao đặt lên trên đỉnh đầu ấy để cạo tóc được. Ở trong vô số kiếp, Ta đã lìa bỏ tóc trên đỉnh đầu, nhưng Ta thị hiện có tóc trên đỉnh đầu. Thuận theo thế gian, Ta thị hiện đi vào đền thờ chư Thiên, thiên thần có uy lực lớn, trời Đế Thích, Phạm vương, bốn vị Thiên vương hộ vệ thế gian đều cúi đầu phụng thờ cung kính, đem thân mạng quay về mà làm lễ dưới chân Ta. Ở vô số kiếp, Ta làm đáng tôn quý trong hàng trời và người, Ta thị hiện đi vào đền thờ chư Thiên là vì thuận theo thế gian. Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta thị hiện đeo vòng ở tai, thực ra không có người dám xuyên thủng tai của mình. Ta xoa tóc xoay vòng về phía bên phải giống như lông bươm sừ tử, tất cả dân chúng đều trông thấy đồng tử xoa tóc như lông bươm sừ tử. Ở vô số kiếp, Ta đã lìa bỏ việc xoa tóc, song Ta thị hiện xoa tóc xoay vòng về phía bên phải là vì thuận theo thế gian.

Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta thị hiện đi vào nhà sách, ở trong ba cõi, không ai có khả năng làm thầy Ta, chỉ có Ta nhận lời làm thầy dạy cho hàng trời và người, cho nên gọi là Nhất thiết chủng trí. Ở vô số kiếp, Ta đã từng học tập sách vở, thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, song thị hiện thực hành học tập sách vở là vì thuận theo thế gian.

Ta thị hiện cưỡi voi, ngựa, xe báu, cất giữ kho châu báu, thân ở chốn thâm cung vui chơi tự nhiên với cung nữ hầu hạ trong cung, điều khiển sắp xếp công việc đất nước, mà thật sự không nhiễm ô bấn vúi, Ta đã lìa bỏ từ lâu dường như nhổ bỏ nước bọt.

Dù thị hiện hưởng thụ năm thứ dục lạc, điều khiển sắp xếp việc nước, làm Chuyển luân vương, làm vua ở cõi Diêm-phù-đề, song ở vô số kiếp Ta đã bỏ ngôi vua, có thể chuyển bánh xe pháp cam lộ vô thượng, Ta thị hiện Chuyển luân vương là vì thuận theo thế gian.

Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta thị hiện cảnh già, bệnh, chết, vứt bỏ đủ mọi thứ dục lạc trong cung, xuất gia học đạo, mọi người đều trông thấy đồng tử xuất gia, vì việc độ thoát cho mọi người mà thị hiện sự xuất gia là để thuận theo thế gian. Chúng sinh đều thấy Ta thị hiện bốn quả Samôn làm bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán, chín

phép chánh thọ Tam-muội liên tiếp nhau (cửu thứ đệ định), tu bốn chân đế, thế rồi, Ta chóng thành bậc La-hán vô thượng, đã qua vô số kiếp thành bậc La-hán rất ráo. Vì cứu độ mọi người nên Ta thị hiện lúc mới phát tâm cho đến khi thành đạo, đi đến nơi gốc cây, thị hiện ngồi nệm cỏ, hàng phục chúng ma, thành đạo vô thượng. Ở vô số kiếp, các não hại của chúng ma Ta đều hàng phục, được pháp cam lộ. Ta thị hiện hơi thở ra vào, đi tiểu, đi đại tiện, nhưng pháp thân thanh tịnh không có các mối lo này. Ta thị hiện vào tất cả các loài hữu tình chúng sinh và phi tình là để tùy thuận thế gian. Ta thị hiện thọ nhận sự ăn uống là vì chúng sinh, thật ra Ta không có tư tưởng đói khát, vì thuận theo thế gian nên Ta thị hiện ăn uống.

Ở vô số kiếp, Ta thường chứng đắc các Ba-la-mật rất mực sâu xa, chẳng theo thời tiết, Ta thị hiện cư trú nhà cửa, thực ra Ta không có sự ngủ nghỉ, mặc chứng nôn mửa, há miệng ngáp, chau mày, chồm dậy cùng những sự đau đớn khổ sở trong thân, Ta thị hiện nương nhờ nhà cửa là để thuận theo thế gian. Ta thị hiện ngồi, nằm, kinh hành, ngắm, nhìn, ngoảnh lại, liếc mắt, co vào, duỗi ra, cúi xuống, ngược lên, pháp thân chân thật không có loại hình dạng này. Ta thị hiện tắm rửa, xoa dầu mè vào thân, xỉa răng, súc miệng, nhỏ thuốc sáng mắt, những việc này không phải là sự cần thiết của pháp thân thanh tịnh. Tay chân mềm mại như lá hoa sen, hơi miệng thơm tho tinh khiết như hoa Ưu-bát-la, đôi mắt thanh tịnh dường như trắng sáng, Ta thị hiện pháp này là vì thuận theo thế gian. Ta thị hiện tu hành hạnh ít muốn, xin ăn sơ sài, mặc y phấn tảo. Ở vô lượng kiếp, lối tu khổ hạnh của Sa-môn, Ta đều đã rất ráo. Ta hiện ở nhân gian làm cha của La-hầu-la, làm con vua Tịnh Phạn, mẹ của Ta là bà Ma-da, quyến thuộc thành tựu, song Ta có thể chán nổi vui trong đời mà xuất gia học đạo, ở giữa cây rừng, Ta thị hiện sự hơn và kém của dục, sự chênh lệch và hạ thấp của lạc, bỏ ngôi vị vua và thái tử, mang họ lớn Cù-đàm. Ta thị hiện làm người xuất gia hóa độ chúng sinh, không phải làm Như Lai dính mắc vào năm thứ dục và làm cha của La-hầu-la. Ta hiện có cha mẹ là thuận theo thế gian, các chúng sinh ấy gọi Ta là người đời, thực ra Như Lai không phải là trời, cũng chẳng phải người.

Ta lại ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện nhập Nê-hoàn, nhưng chẳng

rốt ráo vào Nê-hoàn. Chúng sinh đều nói Như Lai diệt độ mãi mãi, nhưng nay pháp thân Như Lai thường trụ, không phải pháp biến đổi, cũng chẳng phải pháp tiêu diệt, chư Phật thường trụ thị hiện Nê-hoàn.

Ta lại còn làm Tỳ-kheo phạm bốn pháp nặng, mọi người đều nhìn thấy, thực ra Ta không làm những hành vi biếng nhác. Hoặc giả Ta lại thị hiện làm những hành vi của một kẻ Xiển-đề, hoặc thị hiện phá sự hòa hiệp của Tăng. Mọi người đều trông thấy Ta gây ra nghiệp vô gián, nhưng kỳ thật Ta không có tâm phá hoại sự hòa hợp của chúng Tăng, cũng không có Tăng để Ta có thể phá hoại.

Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta hộ trì chánh pháp, chúng sinh đều trông thấy Ta là vị Đại sĩ hộ pháp. Đó là thường pháp của chư Phật và Bồ-tát. Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta thị hiện làm thiên ma, chúng sinh đều trông thấy, song thực ra Ta không làm theo những hành động của chúng ma. Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta thị hiện làm hình dáng người con gái, chúng sinh nhìn thấy rồi, ai nấy đều khen: “Kỳ lạ thay! Hôm nay người nữ làm Phật”. Thực ra, Như Lai không làm thân người con gái, để làm vừa lòng điều người kia mong muốn, tùy theo nhân duyên mỗi người, Ta hiện ra hình dáng nam nữ là thuận theo thế gian.

Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta thị hiện sinh ra trong nẻo đường của bốn loại súc sinh, chúng sinh đều bảo, Ta là súc sinh chân thật, thực ra Ta không làm theo các hành động của loài súc sinh kia, Ta thị hiện vào đường súc sinh là vì thuận theo thế gian.

Ta vào trong cõi trời Phạm thiên, thị hiện vì Phạm thiên mà làm sư trưởng. Các chúng sinh ở cõi ấy thờ phụng Phạm thiên, thế là Ta dùng phương tiện dẫn dụ họ tiến lên, khiến cho họ đi vào chánh pháp, không tập quen làm các nghiệp kia, Ta thị hiện hình dáng Phạm thiên là tùy thuận thế gian. Ta thị hiện vào nhà thổ để độ cho các hạng người dâm mà không dấy lên tư tưởng dâm dục, tâm Ta như hoa sen, nước cõi trần không làm vấy bẩn. Ta trang nghiêm thân thể của mình rồi đi dạo chơi ở các con đường lớn thông bốn ngã, để dùng phương tiện dẫn dụ giáo hóa chúng sinh có tâm nhiễm ô. Ta vào nhà kỹ nữ thị hiện làm người con gái, đem chánh pháp để giáo hóa mọi người. Ta vào trường học thư viện thị hiện làm sư trưởng giáo hóa những đứa trẻ nhỏ thơ dại. Hoặc giả Ta vào nơi hội họp uống rượu, đánh cờ, sòng bạc, rạp hát,

nhằm mục đích giáo hóa, nên Ta chẳng làm những việc giống như họ. Ta đi đến bãi tha ma để độ các loài chim muông mà không chấp tướng. Ta vào trong chỗ quan lớn để dạy bảo họ khiến cho việc cai trị được đúng đắn. Ta vào chỗ các vương tử để giáo hóa khiến cho họ hộ pháp. Ta vào chỗ các vua chúa, lấy phép trị nước bằng chánh pháp của vua đời trước để dạy dỗ cho họ. Ta thị hiện tai họa tật bệnh, ôn dịch, rồi bày ra phương thuốc cứu giúp cho họ, khiến cho những kẻ mắc bệnh kia chán ghét lìa bỏ nỗi khổ của thân, rồi đem chánh pháp để đưa đường chỉ lối cho họ; vì chúng sinh nói rằng, tai nạn dịch bệnh ấy là chân thật. Ta thị hiện thời vận thóc lúa đất đỏ quý hiếm, bèn bố thí món ăn cam lộ cho chúng sinh nghèo đói thiếu thốn, rồi đem chánh pháp để dẫn dắt họ; vì chúng sinh bảo rằng, thời vận thóc lúa quý hiếm như thế là thật. Ta thị hiện tai họa binh đao, mỗi mỗi chúng sinh cùng làm tổn hại lẫn nhau, Ta giáo hóa khiến cho họ hòa hợp như nhau, rồi đem chánh pháp để dẫn dắt họ; vì chúng sinh nói đây là tai họa chiến tranh thật sự. Ta thị hiện vì chúng sinh chấp giữ, cho các pháp là thường vào thời hoại kiếp thiêu đốt, để chỉ cho họ biết thể trạng của các pháp là vô thường; vì chúng sinh nói rằng, đó thật sự là cuộc đại hỏa tai vào thời hoại kiếp. Đối với tất cả chúng sinh, Ta nói tiếng giống như tiếng nói của mỗi người, âm thanh vi diệu hơn hẳn từng mỗi loài chúng sinh kia, chúng sinh ưa thích âm thanh nhân đó mà được độ thoát. Ta thị hiện thành bốn thứ đất, nước, lửa và gió; tùy theo từng thứ nào, chúng sinh nhiễm ô chấp trước nhờ đây mà được độ thoát. Ta thị hiện thành cây thuốc để chữa bệnh cứu giúp chúng sinh, nhân đây mà họ được độ thoát. Ta vào các đạo giáo không chính đáng mà thị hiện xuất gia, từng mỗi đạo giáo Ta đều vì những người kia mà làm thầy hướng dẫn cho họ. Ở vô số kiếp, Ta đã lìa xa ngoại đạo, Ta thị hiện xuất gia là đem chánh pháp để dẫn dắt. Ta thị hiện làm người thợ khéo, hiểu cách thức chữa bệnh và chú thuật tất cả chúng sinh và người ngoại đạo ai nấy đều ôm lòng kiêu mạn, do đó Ta ở trong những người đó để thị hiện giáo hóa đủ các thứ, hàng phục những kẻ tà vạy, cao ngạo kiêu mạn, rồi đem chánh pháp để dẫn dắt họ. Chúng sinh nhìn thấy rồi họ nói Ta là người đời. Như Lai thường trụ lìa khỏi pháp thế gian. Thậm chí Ta thị hiện làm người hèn hạ, làm đầy tớ chịu người sai

khiến, tùy theo loại mà độ thoát mọi người.

Ở cõi Diêm-phù-đề có đủ mọi thứ nghiệp khác nhau, không có nghiệp nào là Ta không thị hiện giáo hóa, thật ra Như Lai chẳng làm cùng công việc giống như họ, Ta thị hiện làm những việc y như người, đó là thuận theo thế gian.

Châu Uất-đan-viết ở phía Bắc, châu Câu-da-ni ở phía Tây, châu Phát-vu-kiến ở phía Đông, hai mươi lăm xứ, cho đến ba ngàn đại thiên thế giới, Ta thị hiện giáo hóa ở trong đó là thuận theo thế gian. Như Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm giảng nói rộng, Như Lai thành tựu đại phương tiện trí. Tất cả những điều Ta làm, không việc nào mà Ta không thị hiện giáo hóa, cho nên gọi rằng Đại Bát-nê-hoàn, Đại Bồ-tát trụ ở công đức ấy, thấy đều có thể tùy theo loại mà biến hóa đủ mọi thứ một cách tự tại và không có nỗi sợ hãi. Lại không nên nghi ngờ Ta là cha của La-hầu-la, nên biết ở vô số kiếp, Như Lai đã xa lìa biển cả ái dục sinh tử, cho nên Như Lai là pháp thường trụ, không phải pháp biến đổi, không phải pháp phai mờ.

Ca-diếp bạchPhật:

–Nếu như Như Lai là pháp thường trụ, không phải pháp mất đi, không phải pháp biến đổi, thì tại sao Như Lai khen ngợi Nê-hoàn? Ví như ngọn đèn tắt, lửa tắt đó đến chỗ nào, không ai có thể biết.

Phật bảoCa-diếp:

–Bây giờ Ta nói thí dụ này, không phải như ông nói. Thiện nam! Ví như đồ đựng dầu thấp đèn, dầu đã hết gọi là đèn tắt, đồ đựng ấy vẫn còn. Như Lai cũng vậy, dầu đốt cháy phiền não tắt ngấm, đèn đóm Như Lai luôn luôn còn chứ không mất. Nếu cho rằng dầu và đồ đựng đều hết cả, thì Như Lai vào Nê-hoàn cũng sẽ phải hết cả. Đèn tắt, đồ đựng còn, cho nên Như Lai không ẩn mất cũng chẳng phát sinh sự vui thích Nê-hoàn.

Lại nữa, này thiện nam! Ta nói đèn tắt là thí dụ A-la-hán, không phải nói Nê-hoàn. Sự tham muốn món ăn dơ bẩn của thế gian đều diệt mất, còn lại sự ham muốn món ăn rất ráo, ví như đèn tắt; về A-na-hàm, ý nghĩa của nó cũng vậy, cho nên Ta dùng phương tiện giảng nói giáo pháp mâu nhiệm tinh tế bí mật, chẳng phải giảng nói Nê-hoàn.

Ca-diếp bạchPhật:

–A-na-hàm có những ý nghĩa

gì? Phật bảo Ca-diếp:

–Không thọ thân trở lại gọi là A-na-

hàm. Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói thế nào? Như Lai cũng có pháp bí ẩn giống như nhà ảo thuật chẳng?

Đức Phật dạy:

–Không phải vậy, giáo pháp Ta giảng nói ví như khi trăng thu vành vạnh, lìa bỏ dâm dục, tức giận, si mê; không có những sự che lấp, cũng không có sự bí ẩn.

Lại nữa, giống như ông trưởng giả có rất nhiều tiền của, ông chỉ có một đứa con, vốn dành tình cảm yêu thương rất mực, bèn đem con đến nhà thầy xin thầy dạy cho nó học bán tự. Thời gian chưa được bao lâu, sợ con mình chẳng chóng thành đạt, người cha đưa con trở về, ngày đêm ân cần dạy cho con học bán tự. Thiệt nam! Ông nói thế nào? Khi người cha ấy dạy con học bán tự, liệu nó có khả năng biết hết tất cả ký luận hay không? Ví bằng nó có thể biết hết tất cả ký luận, thế tại sao người cha ấy dạy nó học bán tự, đối với đứa con yêu quý, ông ấy có điều gì che giấu mà không dạy cho nó học ký luận chẳng?

Ca-diếp trả lời:

–Không phải vậy, bạch Thế Tôn! Đứa con ấy còn thơ dại chưa đủ khả năng biết luận, cho nên người cha không dạy nó học. Nếu cho rằng, ông ấy giữ bí mật không dạy bảo thì mới gọi là che giấu, còn ông ấy khiếm tốn khuyến khích, tùy theo sức mình mà chỉ dạy dần dần thì không gọi là che giấu.

Phật bảo Ca-diếp:

–Quý hóa thay! Quý hóa thay! Thiệt nam! Giống như điều ông vừa nói, nếu tức giận tiếc rẻ mà giữ bí mật không dạy bảo thì mới gọi là che giấu; đối với tất cả chúng sinh, Ta đem tâm từ yêu thương nghĩ nhớ giống như tưởng nhớ đứa con một, bởi vì đứa trẻ thơ dại ấy chưa kham nổi pháp sâu xa nên Ta không giảng nói cho nó. Giống như người kia dạy con, thoát đầu học bán tự, cũng như thế, Ta giảng nói Chín bộ kinh, Mười thứ trí lực, Bốn pháp chân đế, Tám phần thánh đạo; còn ký luận hết sức sâu xa, đó là Phương đẳng Đại thừa, Ta đều

không nói cho họ.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị trưởng giả dạy dỗ đứa con yêu quý của mình, trước tiên cho nó học bán tự, bán tự đã đúng đắn, ông lần lượt chỉ dạy cho nó học ký luận rất sâu xa, khiến cho con thành tự. Cũng như thế, thoát đầu Ta chỉ nói Chín bộ kinh cho đệ tử, khi biết họ có thể lãnh thọ nổi, sau đó Ta mới nói ký luận Đại thừa, Như Lai tồn tại lâu bền, không phải pháp biến đổi, khiến cho con mất trí tuệ của các chúng sinh mở rộng.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như vào mùa hạ, đám mây và sấm sét nổi lên, ất hẳn tuôn xuống trận mưa lớn, trăm thứ lúa má hoa màu và cây cỏ thấy đều được thấm ướt. Cũng như thế, hôm nay Như Lai làm nổi lên đám mây pháp bí mật vi diệu đại Nê-hoàn, làm chấn động âm thanh thuyết pháp lớn lao, chắc chắn sẽ tuôn xuống trận mưa giáo pháp cam lộ, làm cho chúng sinh được yên vui.

Ca-diếp bạch Phật:

–Như Thế Tôn nói, không có tích chứa gì cả, hiểu rõ đoạn thực. Như chim bay giữa khoảng không, khó tìm được vết chân của nó, điều này có ý nghĩa gì?

Phật bảo Ca-diếp:

–Tích có nghĩa là tích tụ, nhận lấy nghĩa là thêm lên; tạng là kho tàng, tạng có chỗ thu nhận nên gọi là tích chứa. Tích chứa có hai thứ: tích chứa hữu vi và tích chứa vô vi. Tích chứa hữu vi là nói hàng Thanh văn, tích chứa vô vi là nói Như Lai. Tăng có hai hạng: đẳng Tăng và vô đẳng Tăng. Đẳng Tăng là Thanh văn Tăng, Thanh văn Tăng này cũng không có sự tích chứa, thế nhưng tại sao hiện nay họ nhận nuôi tiểu đồng làm tôi tớ, cất giữ tiền bạc của cải, lập kho vựa? Dầu mè mà muối ăn còn không nên tích trữ, chẳng lẽ Như Lai để mặc họ nuôi tôi tớ tiểu đồng, người nào nói rằng, Như Lai để mặc họ tùy ý như thế, đời đời người ấy sẽ bị đọa vào địa ngục rút lưỡi. Đẳng Tăng Thanh văn không có việc tích chứa, nghĩa là có thể hiểu rõ đoạn thực, không bỏ đoạn thực và suy nghĩ ham muốn mùi vị, hạng này đạt đến chỗ vết chân khó tìm, chóng thành đạo Đẳng Chánh Giác vô thượng. Vết chân khó tìm cho nên gọi là Như Lai. Hữu vi Tăng còn không tích chứa, huống gì là vô vi Tăng. Vô vi Tăng là chư Phật Như Lai, lẽ nào chư

Phật Như Lai có giấu kín, nếu có giấu kín thì chính là tích chứa, cái khó tìm ấy gọi là Nê-hoàn bất động khoái lạc. Không có các tướng hư không, mặt trời, mặt trăng, mây, mưa, đất, nước, lửa, gió, sinh, già, bệnh, chết, phiền não kia, thường trụ không biến đổi, khoái lạc bất động, cho nên gọi là Nê-hoàn. Do được Nê-hoàn, cho nên gọi là Như Lai Đại Bát-nê-hoàn. Điều ấy trở thành lớn là vì làm việc lớn, cái gọi là lớn nghĩa là có tên gọi hữu vi. Nếu có một người sống lâu vô lượng thì gọi là đại nhân, người có năng lực thực hành giáo pháp là bậc lớn trong loài người, nếu người ấy lại thành tựu tám điều suy nghĩ của bậc đại nhân, thì gọi là đại nhân. Cho nên đại có nghĩa là tên gọi hữu vi. Nê-hoàn là lìa bỏ những ung nhọt, cho nên gọi là Nê-hoàn. Ví như có người thân thể bị trúng tên độc, chịu bao nỗi đau đớn khổ sở, người ấy gặp được vị thầy thuốc giỏi giúp việc chữa trị hoạn nạn ung nhọt, nỗi đau đớn khổ sở đều trừ diệt. Người thiện nam ấy được lìa khỏi u nhọt, lại đi chơi các nước để điều trị hoạn nạn mụn nhọt cho các chúng sinh khắp nơi. Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, tất cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề chịu đau đớn gay gắt, bởi các phiền não như dâm dục, căm giận, ngu si ở trong kiếp số không lường, Ta bèn giảng nói pháp dược cam lộ Đại thừa để trị liệu chứng bệnh ung nhọt cho chúng sinh. Đối với chúng sinh này, khi đã lìa khỏi hoạn nạn ung nhọt rồi, họ lại hiện ra ở nước khác để trị liệu mọi bệnh tật cho các chúng sinh, cho nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn. Từ nghĩa chân thật cho đến nghĩa phương tiện, thấy đều gọi là Đại Bát-nê-hoàn, thị hiện đi vào các nẻo và vào giải thoát. Tùy theo sự thu nhận giáo hóa của chúng sinh kia mà ở đâu cũng thị hiện, đó là ý nghĩa quan trọng, vì vậy gọi là Đại Bát-nê-hoàn.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao phương pháp của vị thầy thuốc giỏi có thể chữa tất cả bệnh hoạn ung nhọt cho chúng sinh? Bệnh khỏi rồi vị ấy lại hiện ra ở nơi khác để chữa các bệnh chẳng?

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này thiện nam! Vị ấy có thể trị liệu tất cả, đều khiến cho họ lìa khỏi bệnh tật, chỉ trừ người mắc bệnh nặng không thể cứu chữa. Chư Phật Thế Tôn cũng như thế, trừ hạng Nhất-xiển-đề ra, còn

lại tất cả mọi bệnh tật của các chúng sinh thấy đều được cứu chữa.

Ca-diếp lại hỏi:

–Giải thoát là những loại gì?

Phật bảo Ca-diếp:

–Sự giải thoát ấy là Sắc và Vô sắc. Vô sắc là sự giải thoát của Thanh văn và Duyên giác, Sắc là sự giải thoát của Như Lai. Giải thoát tuy sắc nhưng không nói ấy là sắc. Vì sao? Vì như tu hành ở cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng là sắc hay vô sắc cũng không đúng là sắc hữu. Ông hỏi cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng là sắc hay vô sắc cũng không đúng là sắc. Sao gọi là trụ? Sao gọi là ưa thích? Việc này Ta cần phải nói, đây là cảnh giới của Phật, không phải điều mà các hàng Thanh văn hay Duyên giác biết được.

Ca-diếp bạch Phật:

–Con chỉ ước mong xin Thế Tôn nói lại ý nghĩa của sự giải thoát khi Như Lai Đại Bát-nê-hoàn.

Phật bảo Ca-diếp:

–Sự giải thoát ấy là đối với tất cả sự trói buộc và hòa hợp đều lìa bỏ. Lìa bỏ hòa hợp là bất sinh đối với sinh, giống như do nơi cha mẹ mà sinh ra đứa con ấy, đó gọi là sinh. Sự giải thoát ấy thì không phải như thế. Giống như tính chất tự nhiên sẵn có của đề hồ là thanh tịnh, chẳng do sự ái dục của cha mẹ nuôi lớn, vì độ thoát chúng sinh nên thị hiện có sinh ra, cho nên giải thoát bất sinh là đối với sinh. Lại còn sinh ấy là ví như trồng các thứ lúa má hoa màu mà đâm chồi nảy lộc, sự giải thoát ấy thì không phải như thế, cho nên nói rằng giải thoát bất sinh. Sự giải thoát ấy tức là Như Lai, cho nên Như Lai bất sinh là đối với sinh, không phải làm điều mình làm, thực ra làm là giống như thành quách, lầu nhà có người làm nên, kỳ thực giải thoát thì không phải như thế, do đó giải thoát không có người làm, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên phải biết rằng, Như Lai không phải làm nên, đó gọi là vô vi. Hữu vi ấy là ví như nhà làm đồ gốm dùng đất dẻo nhào với nước làm thành đồ dùng, có làm thì có vỡ, thực ra giải thoát thì chẳng phải như vậy, cũng không có làm thành, cũng không có hủy hoại, cho nên giải thoát không có sự tạo tác, không có sự hủy hoại, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Nên biết Như Lai không sinh cũng chẳng tử, cho nên

Như Lai chính là pháp vô vi, cố tình nói Như Lai vào đại Nê-hoàn không có tướng già yếu suy nhược, thân hình héo hon, cơ thể gầy còm, tóc bạc, răng rụng, đó là tướng già. Kỳ thực giải thoát thì không phải như thế, vì mãi mãi xa lìa tất cả sự lão suy, hủy hoại, biến đổi, gọi là giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Do đó Như Lai không có tướng già cả suy yếu, cho nên gọi rằng không có bệnh. Gọi bệnh ấy là có bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh, ngoài ra số bệnh tạt bất ngờ không thể nói hết. Xa lìa những tai họa này, cho nên gọi là giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Pháp thân thanh tịnh không có bệnh, do đó nói rằng, Như Lai không có bệnh; vì không có bệnh nên không có sự chết, chúng sinh thường chết, không có sự giải thoát, cho nên có tận, có chết, mãi mãi xa lìa tên gọi là chết, cho nên nói là giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Như Lai thành tựu vô lượng công đức vi diệu tối thượng như thế, nói rằng có sự chết, thì thật là vô lý. Pháp thân kim cương thanh tịnh không hủy hoại, lẽ nào có tướng vô thường biến đổi hủy hoại, cho nên bất tử, xa lìa các sự nhơ bẩn.

Ví như tấm vải bông trắng tinh đẹp đẽ bị dầu bơ làm vấy bẩn, thực ra giải thoát thì chẳng phải như thế, dường như hoa sen trắng thanh tịnh không có nhơ bẩn, sự giải thoát của Như Lai cũng như vậy, Ta vĩnh viễn xa lìa ái dục và các bụi trần nhơ bẩn, cho nên tên gọi của Như Lai là Vô Cấu, lìa khỏi các giới hạn trở ngại như có vua chúa đặtra, gọi đó là giới hạn trở ngại, song thật ra sự giải thoát không có các giới hạn trở ngại, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Do đó Như Lai không có sự ngăn ngại mà mát mẻ. Nơi mát mẻ là miếu trời thuộc thế tục, gọi là mát mẻ, đó là nói xằng bậy, chỉ có giải thoát là mát mẻ chân thật, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên Như Lai mát mẻ yên ổn, sự yên ổn ấy là ví như đường sá không có các kẻ trộm cướp, thì gọi đó là yên ổn. Sự giải thoát chân thật thì chẳng phải như thế, tính chất của nó là không có sự sợ hãi, thì gọi đó là yên ổn, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên Như Lai yên ổn, không có nỗi sợ hãi và lìa khỏi các sự hoảng sợ. Sự lo sợ ấy là ví như vị quốc vương luôn luôn sợ hãi kẻ thù, sự giải thoát thật sự mãi mãi không có nỗi sợ sệt này. Ví như Chuyển luân Thánh vương không có các sự khủng khiếp, sự giải thoát thật sự cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Pháp vương Như Lai chuyển

bánh xe vô thương không có các kẻ thù, do đó Như Lai không có sự sợ hãi và không có sự lo lắng. Sự lo sợ ấy vì như vị quốc vương có kẻ mưu tính phản nghịch, vị vua ấy không có năng lực làm cho kẻ kia đầu hàng khuất phục, nên thường ấp ủ nỗi lo âu sợ hãi trong lòng. Sự giải thoát chân thật không có nỗi lo sợ này, ví như vị quốc vương hàng phục được người thù hằn, vị vua ấy vui thích và không có nỗi lo âu, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Cho nên Như Lai không có nỗi âu lo, xa lìa các ô uế của cõi trần. Ô uế của cõi trần ấy ví như gió mùa xuân làm nổi tung các tro bụi, sự giải thoát chân thật là lìa xa các tro bụi, giống như viên ngọc sáng bên trong búi tóc của vị Chuyển luân vương không có các bụi bặm dơ bẩn, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Do đó Như Lai lìa khỏi các ô uế của cõi trần, lìa bỏ các sự giả dối. Sự hư hao giả tạo ấy thí dụ như chiếc bình hư hỏng. Sự giải thoát chân thật thì chẳng phải như vậy, giống như kim cương không có sự hư hao giả dối, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Do đó Như Lai không có các sự hư hao giả dối, xa lìa những sự không tự tại. Không tự tại là như người nghèo khổ cùng cực gánh của cải người khác, người giàu có trông nom chế ngự, người nghèo không được tự do thoải mái. Sự giải thoát chân thật thì không phải như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai, cho nên Như Lai tự tại không có sự trở ngại, không có những mối lo lẩn lớt. Các mối lo lẩn lớt là như con người có dính dáng đến cái nóng vào mùa xuân, uống rượu vào mùa hạ, dính dáng đến giá lạnh vào ngày mùa đông, thì làm thương tổn thân thể của mình, tự nhiên nảy sinh tai họa xâm phạm. Sự giải thoát chân thật thì không phải như thế, không có những tai họa xâm phạm, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Cho nên Như Lai không có những tai họa xâm phạm, xa rời các sự cận đục, ví như hư không không có các cận đục.

Sự giải thoát chân thật cũng như thế, không có các sự cận bã dơ bẩn, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên Như Lai không có các sự cận bã vẫn đục, không có các sự vương vít, sự vương vít ấy là bạn bè và quyến thuộc. Sự giải thoát chân thật không có các sự vương vấn này, giống như Chuyển luân vương tự tu dưỡng một mình, không có bè bạn, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Cho nên Như Lai khéo tu dưỡng một mình đặc biệt kỳ lạ. Như hoa sen mọc trong nước, đây không phải

đặc biệt kỳ lạ, trong lửa mọc lên hoa sen mới là đặc biệt lạ lùng, mọi người yêu thích. Sự giải thoát chân thật cũng như thế, được mọi người yêu thích, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Cho nên Như Lai hiếm có, đặc biệt kỳ lạ, không có người nào đủ năng lực làm nổi. Ví như đứa trẻ sơ sinh, răng của nó chưa lộ ra, ta không thể nào khiến cho răng mọc. Sự giải thoát chân thật cũng như vậy, không hợp thời mà được, lẽ nào có cái lý đó? Giống như hạng Nhất-xiển-đề uể oải biếng nhác, suốt ngày nằm như cái cây ma, rồi nói ta sẽ thành Phật, nếu hạng này thành Phật, liệu có cái lẽ ấy sao? Ví phỏng các người Ưu-bà-tắc tin theo giáo pháp, muốn cầu giải thoát, đi qua bờ bên kia, cũng đâu có lẽ đó, huống gì là người nằm như cái cây ma kia. Vì sao? Vì tính chất không phải trở thành gì khác, do đó sự giải thoát đó tức là Như Lai. Vì thế, Như Lai là địa vị mà không ai có tài năng gì làm nổi, vô lượng vô biên. Ví như biển cả còn có thể lường biết nổi, còn sự giải thoát chân thật thì vô số vô lượng, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên Như Lai vô lượng tối thắng, sự tối thắng đó không có gì có thể so sánh nổi, ví như biển cả không lấy gì để so sánh nổi, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Do đó Như Lai tối thắng cao hiển, sự cao hiển đó ví như hư không, không có gì cao hơn nữa, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên sự cao hiển của Như Lai là đứng đầu trong các hàng Thánh, ví như sư tử là con vật đứng đầu trong các loài thú, sự giải thoát thật sự là vua của các pháp, ánh sáng giải thoát soi chiếu tất cả pháp, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Gọi là cao nhất, gọi là trên hết, ví như các phương lấy châu Uất-đan-viết gọi là châu trên hết, giải thoát tối thượng cũng như vậy, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên Như Lai cao nhất, không có gì cao hơn nữa, ví như các phương, châu Uất-đan-viết là châu cao nhất, không có châu nào cao hơn nữa, giải thoát vô thượng cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Do đó Vô thượng là thường pháp của Như Lai, giống như sự chết là thường pháp của các hàng trời và người. Thường pháp của sự giải thoát thì không phải như thế, sự giải thoát ấy chính là Như Lai.

Cho nên, Như Lai thường trú bền vững, cây chuối, bọt nước không có sự bền vững, sự giải thoát thật sự thì không phải như vậy, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lià bỏ các thói hư tục xấu là luận rằng,

bức tường mục nát là nơi muỗi mòng ve sầu dừng đậu, sự giải thoát ấy thì không phải như thế; ví như bức tường có vẽ tranh, chúng nó không tài nào dừng đậu, sự giải thoát như là tất cả tội ác không thể nào làm vấy bẩn, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Không có ranh giới bến bờ, là như đất nước thôn xóm mà còn có ranh giới bờ cõi, sự giải thoát thật sự thì không phải như thế, ví như hư không vô biên khoáng lạc, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Sự vi diệu không hiện ra là như chim bay giữa khoảng không, vết chân không hiện, sự giải thoát không hiện ra cũng như vậy, sự giải thoát ấy tức là Như Lai.

Rất mực sâu xa khó thể lường tính được, nghĩa là ân đức sinh đẻ và nuôi nấng của cha mẹ hết sức sâu dày, không người nào có tài năng so lường nổi, sự giải thoát thật sự cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Rất sâu xa khó thể nhìn thấy, nghĩa là giống như các chúng sinh, tự bản thân mỗi người đều có Như Lai tánh vi diệu bí mật khó thấy, sự giải thoát chân thật vi diệu bí mật khó thấy cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Không ai có năng lực nhìn thấy, nghĩa là giống như tướng nhục kế ở trên đỉnh đầu của Như Lai, không ai có khả năng nhìn thấy, sự giải thoát như thế không phải là điều mà các hàng Thanh văn và Duyên giác trông thấy được, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Không có hang hốc hay nhà ở, hang hốc hay nhà ở là tên gọi của nơi cư trú, chỗ dừng nghỉ, nhà cửa; sự giải thoát thật sự thì chẳng phải như thế, ví như hư không là chỗ ở của hai mươi lăm cõi thì mãi mãi không thể nào được, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Không có sự nắm giữ điều gì, về tên gọi nắm giữ ấy nghĩa là giống như tay cầm quả A-ma-lặc, sự giải thoát thật sự thì không phải như thế, giống như nhà ảo thuật làm ra các trò biến hóa, không người nào có thể nhận lấy được, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Xa lìa những sự dơ bẩn tạp nhạp, sự dơ bẩn tạp nhạp ấy là giống như lấy da bò ghẻ lở có nhiều màu sắc lẫn lộn để làm quần áo, sự giải thoát thật sự thì không phải như thế. Giống như sữa đúng thời có một màu một vị, sự giải thoát chân thật là vi diệu một tướng cũng như vậy, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Tính ấy thanh tịnh, nước đục bùn lắng gọi là không thanh tịnh, sự giải thoát thật sự thì không phải như thế; giống như mưa giữa hư không có một vị thanh tịnh, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Tính ấy chân thật vi diệu, là giống như

mặt trăng vành vạnh không có các đám mây âm u, sự giải thoát như thế là chân thật vi diệu, không có các vọng hoặc làm như bản tâm tính, sự giải thoát đó chính là Như Lai. Chân thật vi diệu và điềm tĩnh, là giống như cứu lửa cháy trên đầu thì không có thái độ bình tĩnh thản nhiên, sự giải thoát thật sự vĩnh viễn dập tắt phiền não tai họa đốt cháy hừng hực, sự giải thoát ấy tức là Như Lai.

Tính ấy bình đẳng, sự không bình đẳng ấy giống như hai kẻ nông cuồng, bản tính của họ không đồng đều; sự giải thoát chân thật thì chẳng phải như thế, đặc tính bình đẳng ấy là giống như mẹ con, sự giải thoát đó tức là Như Lai. Tính ấy tịch diệt, đạt đến chỗ cao nhất, không có ý tưởng mong cầu gì hơn nữa, giống như người đói được ăn món ăn thơm ngon, no đủ vừa ý, người ấy không còn ý tưởng mong cầu điều gì khác. Sự giải thoát thật sự cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Tính ấy đã cắt đứt, ví như mỗi câu và sợi dây câu đã đứt, sự giải thoát thật sự cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Qua bờ bên kia là ví như dòng sông có bờ bên này và bờ bên kia, vô lượng sự sống chết gọi là bờ bên này, sự giải thoát thật sự gọi là bờ bên kia, sự giải thoát ấy chính là Như Lai.

Thanh tịnh như nước đọng vực sâu, nước đọng vực sâu ấy nghĩa là không phải nước ở các dòng sông mà giống như nước trong biển cả, sự giải thoát thật sự cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Mùi vị ấy ngon thuần túy là giống như gieo hạt giống trong nhà ở, mùi vị của nó đổi thành đắng; sự giải thoát thật sự thì không phải như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa khỏi các sự buông lung, sự buông lung ấy là mãi mê ưa thích năm thứ dục; sự giải thoát thật sự thì không phải như thế, tính chất của nó thanh tịnh; lìa bỏ dâm dục, tức giận, si mê; sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Khuất phục những sự khao khát ái dục, ái có hai thứ: có niệm ái và có pháp ái. Pháp ái là thương xót nhớ nghĩ chúng sinh, sự giải thoát thật sự là không có niệm ái, xa lìa ngã và ngã sở, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Tính ấy diệt tận, tất cả sự bó buộc của tập khí sinh tử đều diệt, ấy gọi là giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Làm ngôi nhà cho thế gian, để làm bóng rợp che phủ độ thoát tất cả cõi, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Làm nơi nương tựa cho thế gian giống như quốc vương đi dạo chơi các thành ấp trong nước, sự giải

thoát chân thật thì chẳng phải như thế, bất động khoái lạc ấy gọi là giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Nơi ấy thường yên ổn, là ví như sự hiểm nạn khủng bố ở chốn đồng không mông quạnh; sự giải thoát thật sự thì không phải như thế, giống như vua trong loài sư tử không có các nỗi sợ hãi đối với các giống thú, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Là khỏi những sự bức bách, là giống như có người bị thú dữ thúc ép, không có những sự cứu giúp che chở khiến cho họ qua khỏi tai nạn rủi ro, sự giải thoát chân thật thì chẳng phải như thế; giống như người thợ chuyên môn về thuyền bè đóng được chiếc thuyền vững chắc có khả năng vượt qua biển cả, sự giải thoát ấy chính là Như Lai.

Lìa bỏ những sự vẩn đục, ví như từ sữa tươi làm ra váng sữa (lạc), từ váng sữa chế thành sữa đặc, từ sữa đặc chế tạo ra thực tô (bơ), từ thực tô làm ra đề hồ (phô mát). Chỉ có tự tính của vị đề hồ là thanh tịnh, lìa bỏ những sự vẩn đục dơ bẩn, sự giải thoát như thế, giải thoát ấy tức là Như Lai. Hàng phục các sự tự cao kiêu mạn, ví như vị quốc vương kiêu mạn tự cao tự đại, nói rằng không có ai ngang bằng với mình, sự giải thoát thật sự thì không phải như thế; lìa bỏ những sự tự cao kiêu mạn, không có cái ta và cái ta có, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Diệt trừ vô minh, là ví như sữa tươi và váng sữa lần lượt sinh ra vị này qua vị khác với nhau cho đến thành ra đề hồ, vị đề hồ ấy lìa khỏi các sự vẩn đục dơ ứ, tự tính trong sáng; sự giải thoát như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Xa lìa sự ham muốn, ở chỗ yên vắng tĩnh mịch, không có điều gì sánh ngang được với hai pháp ấy; đi một mình, bước một mình giống như con voi giữa đồng không mông quạnh; sự giải thoát như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa bỏ những sự dối trá, giải thoát ngã sở, vào Như Lai tạng, nghĩa là thân của các hàng trời, người, A-tu-la không có sự bền vững chắc chắn, giống như cây y lan, lau sậy, cây chuối không có sự chắc chắn vững vàng, vì xa lìa Như Lai tạng; sự giải thoát chân thật là vào Như Lai tạng, xa lìa những sự giả tạo, dứt bỏ tất cả sự sống chết nối tiếp ở các cõi; sự giải thoát như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Đi vào chánh pháp của Phật, không phải chánh pháp là giống như hoa bách diệp, sự giải thoát thật sự thì chẳng phải như thế, sự giải thoát đó chính là Như Lai. Đi vào ở một chỗ là đối với các sự nhập môn thì không có ngã sở; sự giải thoát như

thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Đó là pháp thiện, ví như người con hiếu có hiếu với cha mẹ, sự giải thoát như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Vượt ra khỏi thế gian, đối với tất cả pháp vượt quá ở trên kia, trong tất cả mùi vị thì mùi vị của sự giải thoát chân thật là đứng hàng đầu, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Trong vất không dao động, gọi sự dao động ấy là như biển nổi sóng, sự giải thoát chân thật thì chẳng phải như thế; giống như cờ của Nhân-đà-la, gió thổi từ bốn phương không thể làm lay động, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Bước lên ở nhà giảng giáo pháp, nhà thế gian giống như cung điện nhà cửa của vua, nhà giải thoát chân thật thì không phải như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Ánh sáng soi chiếu rõ ràng giống như vàng ròng được tôi luyện; giải thoát như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Nghỉ ngơi khoái lạc là giống như vị quốc vương vừa mới hàng phục kẻ thù ở nước đối địch, thân tâm vui thích; sự giải thoát thật sự là vứt bỏ các khổ ảm, được khoái lạc Nê-hoàn, sự giải thoát ấy chính là Như Lai.

Vô dư rất ráo, xa lìa các sự trói buộc ở lao ngục sống chết, ví như người bị tù, tội hết được ra khỏi nhà giam, giải thoát như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa khỏi các sự trói buộc độc hại, tai họa trói buộc của vô lượng phiền não rần độc đều đã giải thoát. Dứt tất cả hữu, lìa tất cả sự khổ sở, được hết thấy sự vui sướng, sinh sôi tăng trưởng sự giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa bỏ dâm dục, tức giận, ngu si, tất cả phiền não vĩnh viễn đã trừ diệt hết, nhổ gốc rễ ba độc, giải thoát tột bậc không còn thừa, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa bỏ tất cả hữu, tất cả các hữu từ nay vĩnh viễn tiêu diệt, nhập vào Nê- hoàn rất ráo giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Vượt lên trên các ảm, vượt khỏi tất cả những pháp bất thiện, ở mãi trong cảnh giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa khỏi sự tự tại, lìa khỏi các ngã sở, phi ngã trong thế tục, vô ngã chân thật nên Phật tánh hiện ra rõ ràng, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Tính ấy là hư không, hư không ấy là sở hữu và không có sở hữu đều không thể nắm bắt được, giống như hữu và không có sở hữu của hạng Ni-kiền, sự giải thoát thật sự thì không phải như thế. Lại nữa, cái không ấy là giống như chiếc bình đựng loại sữa đặc tinh chế, không có sữa đặc cho nên gọi là bình rỗng, song thực ra chẳng trống rỗng. Bởi vì không có vật đựng nên hình sắc

vẫn còn đó, nên biết không phải rỗng không. Sự chẳng rỗng không của giải thoát cũng như thế, có hình và có sắc cho nên nói rằng chẳng rỗng không, vô lượng phiền não xoay vần trong hai mươi lăm cõi sinh tử, vĩnh viễn đoạn tuyệt sự qua lại và hành xử trong thế giới, giống như không có sửa đặc tinh chế thì gọi là bình trống rỗng; tiêu diệt các lỗi lầm tai họa, cho nên gọi rằng rỗng không. Y như sắc dáng chiếc bình, lìa bỏ pháp thế gian mà hành xử tiếp đãi, sự bất động và khoái lạc thường trụ không thay đổi; thế nhưng hình sắc chiếc bình kia là pháp vô thường, sự giải thoát thật sự là thường trụ không thay đổi, cho nên gọi rằng rỗng không của sự chẳng rỗng không, sự giải thoát ấy tức là Như Lai.

Lìa khỏi sự dính mắc về nơi chốn, sự dính mắc về nơi chốn là ưa thích làm trời Đế Thích, Đại Lực, Phạm vương, trí tuệ giác ngộ thành tựu đầy đủ; các sự dính mắc vào cảnh mền chuộng đó thấy đều giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Không có sự tham muốn diệt tận, tất cả việc có mong cầu ham muốn hết sạch vĩnh viễn, thoát khỏi các thói quen dính mắc, đó gọi là diệt, diệt tận ấy chính là giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai.

Nê-hoàn an lạc, Nê-hoàn ấy nghĩa là ví như đàn nai gặp các tay thợ săn bắn, nỗi sợ hãi nguy hiểm e rằng sắp chết đến nơi, bầy nai bỏ chạy trốn vào vùng núi gặp được hang động của vị tiên nhân, chúng nó liền được nghỉ ngơi dễ chịu sau cơn khốn đốn, yên ổn an lạc, nghỉ ngơi an lạc gọi là Nê-hoàn, sự Nê-hoàn ấy chẳng phải gọi là diệt tận. Sự giải thoát đối với tất cả hữu, vô lượng sinh tử, phiền não, điên đảo, oan trái lâu đời, mà phương tiện trốn tránh được vào hang ở chánh pháp của tiên nhân, chỗ dừng nghỉ tịch tĩnh, chỉ cần nương dựa Ba pháp quay về, vô lượng chúng sinh nghỉ ngơi an lạc, sự nghỉ ngơi an lạc gọi là Nê-hoàn, không phải là tận diệt. Ví bằng các chúng sinh được Ba pháp quay về nương tựa gọi là Nê-hoàn, hướng gì Như Lai là bậc Nhất thiết chủng trí, mãi mãi bỏ thân này mà không phải Nê-hoàn yên ổn an lạc chẳng? Vào Nê-hoàn là giống như người say sưa mê muội, có người đến hỏi rằng, ông có yên vui hay không? Người say sưa kia hiểu rồi trả lời rằng mình được an vui. Chúng sinh như thế ở vô số kiếp mê say sống chết trong hai mươi lăm cõi, khi chứng được Chánh giác thì Nê-

hoàn an lạc, yên ổn thường trú, bất động giải thoát, không phải là diệt tận, sự giải thoát ấy tức là Như Lai.

Bấy giờ, Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Không sinh cũng chẳng khởi tức là giải thoát, đó là Như Lai chăng?

Phật bảo Ca-diếp:

– Đúng thế, đúng thế! Này thiện nam! Không sinh cũng chẳng khởi chính là giải thoát, cũng là Như Lai.

Ca-diếp lại bạch Phật:

– Tính hư không kia không sinh cũng chẳng khởi cũng gọi là Như Lai chăng?

Phật bảo Ca-diếp:

– Rốt ráo giải thoát không phải giống như hư không. Lại nữa, này thiện nam! Giống như chim Ca-lăng-tỳ-già và chim Mạng mạng, tiếng hót của chúng nó trong trời, lẽ nào giống với loài chim cú hay điều hâu chăng?

Ca-diếp bạch Phật:

– Không phải thế, bạch Thế Tôn! Tiếng hót của chúng nó mỗi loài mỗi khác nhau, không thể lấy đó để so sánh. Có nhân duyên nên chư Phật Như Lai mới phương tiện nói ví dụ.

Phật bảo Ca-diếp:

– Quý hóa thay, quý hóa thay! Ông khéo hiểu rõ ý nghĩa của âm thanh rất mực sâu xa, cho nên sự giải thoát chính là Như Lai, Như Lai ấy tức là giải thoát, sự giải thoát ấy không thể nào ví dụ cho được. Chư Thiên, người đời, A-tu-la, tất cả không ai có năng lực lấy phi dụ mà làm ví dụ. Chỉ có Như Lai, vì sự giáo hóa nên có thể phương tiện giảng nói, lấy phi dụ để làm thí dụ, nói ví dụ giải thoát. Lý do thế nào? Vì sự giải thoát ấy tức là Như Lai, Như Lai ấy tức là giải thoát, không có hai, không có sự khác nhau. Điều gọi là lấy phi dụ làm thí dụ là khuôn mặt như vầng trăng vành vạnh, con voi trắng lớn ấy giống như núi Tuyết. Chư Phật Thế Tôn cũng như vậy, nói các phi dụ làm thí dụ giải thoát, vì sự hóa độ chúng sinh nên phương tiện nói pháp và nói giáo pháp chân thật.

Ca-diếp bạch Phật:

– Vì những nguyên do gì mà có hai thứ thuyết pháp?

Phật bảo Ca-diếp:

– Này thiện nam! Ví như có người nổi lên lòng tức giận đối với Như Lai, người ấy bèn lấy dao gươm để làm hại Như Lai, thế nhưng vị Như Lai ấy không có ý tưởng đau đớn. Thế nào? Này thiện nam! Người kia sẽ trở thành tội nhân ở địa ngục vô gián hay không?

Ca-diếp bạch Phật:

– Chẳng phải vậy, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì đối với thân trưởng dưỡng, người ấy không làm thương tổn hủy hoại, nên không có tội vô gián. Như Lai không có thân trưởng dưỡng, gọi là pháp thân tự tại, thì sao gọi là làm tổn hại? Vì sự phát tâm của người kia là phương tiện ác, cho nên người ấy mắc tội vô gián, đó gọi là phương tiện pháp tánh chân thật.

Đức Phật dạy:

– Quý hóa thay, quý hóa thay! Này thiện nam! Giáo pháp của Ta nói ra cũng như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Như có người ác độc muốn làm hại mẹ mình, người mẹ ấy biết được bèn xa rời bản xứ. Người ấy không biết cứ đến chỗ ở cũ của mẹ, dùng dao gậy tiến hành việc giết hại rồi nói rằng mẹ mình đã chết, song thật ra bà ấy không chết. Thế nào, này thiện nam! Người này há mắc phải tội vô gián hay không?

Ca-diếp bạch Phật:

– Thưa không, bạch Thế Tôn! Nếu việc giết hại được thực hiện đầy đủ mới gọi là mắc tội vô gián, thế nhưng hiện giờ ba môn ấm, giới và các nhập của người mẹ ấy không bị thương tổn nên không phải là tội vô gián, theo đó, người kia mắc tội báo tương tự vô gián, cũng gọi là vô gián, đó gọi là sự chân thật của pháp phương tiện.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

– Hay thay, hay thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn khéo nói phương tiện ứng theo điều không thích ứng.

Phật bảo Ca-diếp:

– Vì có nhân duyên nên Ta nói sự giải thoát, vì có nhân duyên nên Ta nói các ví dụ một cách rộng rãi, vô lượng công đức thành tựu như thế gọi là Nê-hoàn, cũng gọi là Như Lai, đó là đi nhanh đến Đại

Bát-nê-hoàn kia. Hôm nay Như Lai sẽ vào Nê-hoàn, do ý nghĩa này, nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đó là Như Lai chẳng hướng đến sự diệt tận, nên biết tuổi thọ ấy của Như Lai là không cùng tận.

Phật bảo Ca-diếp:

–Quý hóa thay, quý hóa thay! Thiện nam! Người hộ trì chánh pháp phải nên diệt trừ các sự hồ nghi và học trí quyết định như thế. Này thiện nam! Đó là Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp, khéo nói kinh Phương Đẳng Bát-nê-hoàn.

→